

CÁC BỘ

LIÊN BỘ

NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN - TÀI CHÍNH

THÔNG TƯ liên tịch số 80/2003/TTLT-BNN-BTC ngày 03/9/2003 hướng dẫn thực hiện Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12/11/2001 của Thủ tướng Chính phủ về quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp.

Thi hành Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg ngày 12 tháng 11 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ về “Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình, cá nhân được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp” (sau đây gọi là Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg), Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Đối tượng và phạm vi áp dụng

- Hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là hộ gia đình) được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp theo Nghị định số 02/CP ngày 15 tháng 01 năm 1994 của Chính phủ; Nghị định số 163/1999/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 1999 của Chính phủ về giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

- Hộ gia đình được các tổ chức nhà nước khoán bảo vệ, khoanh nuôi, tái sinh và trồng rừng theo

Nghị định số 01/CP ngày 04 tháng 01 năm 1995 của Chính phủ về việc giao khoán đất sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trong các doanh nghiệp nhà nước.

2. Giải thích từ ngữ và khái niệm

Các từ ngữ và khái niệm trong Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu như sau:

a) Hiện trạng rừng

Hiện trạng rừng là trạng thái rừng tại thời điểm hộ gia đình được giao, được thuê hoặc nhận khoán, gồm:

- Rừng thứ sinh nghèo kiệt quy định tại mục a khoản 4 Điều 7; khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu là nhóm chưa có rừng do rừng đã bị khai thác kiệt quệ, hoặc đã khai thác từ lâu nhưng chưa được phục hồi, phần lớn chỉ có cỏ, cây bụi, hoặc cây gỗ, tre mọc rải rác với độ che phủ dưới mức 0,3 thuộc trạng thái đất trống IC quy định tại Quyết định số 682/QĐKT ngày 01 tháng 8 năm 1984 của Bộ trưởng Bộ Lâm nghiệp (nay là Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) về việc ban hành bản quy phạm thiết kế kinh doanh rừng (sau đây gọi là Quyết định số 682/QĐKT).

- Rừng phục hồi sau nương rẫy hoặc sau khai thác quy định tại mục a khoản 4 Điều 7; khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu là rừng phục hồi sau nương rẫy bởi lớp cây tiên phong ưa sáng mọc nhanh đều tuổi, 1 tầng, đường kính nhỏ hoặc sau khai thác kiệt, còn sót lại một số cây gỗ nhưng phẩm chất xấu, trữ lượng không đáng kể, đường kính phổ biến không vượt quá 20 cm, thuộc trạng thái rừng loại IIA, IIB, IIIA1 quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

- Rừng có trữ lượng ở mức trung bình hoặc giàu quy định tại mục a khoản 4 Điều 7; khoản 5 Điều 14 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg được hiểu như sau:

Rừng có trữ lượng ở mức trung bình là rừng

thứ sinh đã bị chặt chọn nhưng chưa làm thay đổi đáng kể cấu trúc của rừng hoặc phát triển từ rừng phục hồi sau khai thác, sau nương rẫy đã có một số cây có đường kính lớn (trên 35cm) có thể khai thác sử dụng. Trữ lượng trung bình trên 100m³/ha, thuộc trạng thái rừng loại IIIA2 và IIIA3 quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

Rừng có trữ lượng ở mức giàu là rừng nguyên sinh hoặc thứ sinh thành thực cho đến nay chưa được khai thác sử dụng, có cấu trúc ổn định, nhiều tầng, hoặc rừng đã bị chặt chọn lấy ra một ít gỗ quý, gỗ tốt nhưng chưa làm thay đổi đáng kể về cấu trúc của rừng, khả năng cung cấp của rừng còn nhiều, trữ lượng bình quân trên 150m³/ha, thuộc trạng thái rừng loại IVA, IVB và IIIB quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

Các trạng thái rừng được nêu tại điểm a khoản 2 Mục I Thông tư liên tịch này áp dụng cho loại rừng gỗ lá rộng thường xanh và nửa rụng lá.

Đối với loại rừng khộp và các loại rừng khác, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định cụ thể từng loại trạng thái rừng theo quy định tại Quyết định số 682/QĐKT.

b) Rừng ngập nước: Là loại rừng được hình thành ở các vùng đất ngập mặn, vùng đất ướt, vùng đất chua phèn, có các loại cây như: Đước, Tràm, Sú, Vẹt, Mắm...

c) Cây phù trợ: Là cây trồng xen, hỗ trợ cây trồng chính theo mật độ nhất định, gồm các loài cây mọc nhanh, cây có tác dụng vừa cải tạo đất vừa có hiệu quả kinh tế.

3. Bên giao, khoán

a) Bên giao: Ủy ban nhân dân cấp huyện giao, cho thuê rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp.

b) Bên giao khoán: Là các tổ chức nhà nước được Nhà nước giao rừng và đất lâm nghiệp để sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp,

gồm: Lâm trường quốc doanh, Nông trường quốc doanh, Ban quản lý khu rừng đặc dụng, Ban quản lý khu rừng phòng hộ, Công ty, Xí nghiệp, Trạm, Trại lâm nghiệp..., đã tiến hành giao khoán rừng và đất lâm nghiệp cho hộ gia đình để bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh và trồng rừng thông qua hợp đồng khoán.

Trường hợp diện tích rừng Nhà nước chưa giao, chưa cho thuê, Ủy ban nhân dân xã sở tại chịu trách nhiệm quản lý đã ký hợp đồng khoán cho hộ gia đình để bảo vệ rừng thì hộ gia đình và Ủy ban nhân dân xã cũng được hưởng lợi từ rừng theo quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

4. Lâm sản khai thác chính

Lâm sản khai thác chính để phân chia giữa hộ gia đình với bên giao, cho thuê, khoán rừng và đất lâm nghiệp được quy định như sau:

a) Đối với rừng sản xuất: Lâm sản khai thác chính là lâm sản thu được sau khi tiến hành khai thác những khu rừng đã đến tuổi khai thác. Trong trường hợp hộ gia đình được giao hoặc nhận khoán trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng có nguồn thu chủ yếu từ rừng là sản phẩm hàng năm: nhựa, quả, hạt, hoa thì sản phẩm khai thác chính là sản lượng nhựa, quả, hạt, hoa thu hoạch được hàng năm.

b) Đối với rừng phòng hộ: Lâm sản khai thác chính là lâm sản thu được sau khi tiến hành khai thác những khu rừng đã đáp ứng yêu cầu phòng hộ theo quy định hiện hành.

5. Nhà nước giao rừng tự nhiên cho hộ gia đình được quy định tại các Điều 4, 5, 7 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg là giao rừng cho hộ gia đình để quản lý, bảo vệ và xây dựng rừng theo quy chế quản lý của từng loại rừng. Rừng tự nhiên được giao là tài nguyên quốc gia, không phải là tài sản của hộ gia đình; hộ gia đình chỉ được hưởng lợi ích từ rừng tùy theo hiện trạng rừng khi giao, thời gian, tiền của và công sức mà hộ gia đình đã đầu tư vào rừng.

6. Quyền hưởng lợi của hộ gia đình được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp

Quyền hưởng lợi trên đất lâm nghiệp là những lợi ích từ rừng mà người được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp được hưởng, gồm:

a) Gỗ: Bao gồm gỗ được phép khai thác để làm nhà mới hoặc thay thế nhà cũ, sửa chữa lớn nhà ở cho mình tại xã nơi có rừng theo quy định tại khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 8; gỗ thu được khi thực hiện các biện pháp kỹ thuật lâm sinh; gỗ được phân chia khi thực hiện khai thác chính theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

b) Củi: Bao gồm những cây gỗ chết khô, cây đổ gãy, cây sâu bệnh, cành, ngọn không thể tận dụng làm gỗ mà hộ gia đình được thu hái làm củi đun theo quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 9, 14, 15, 16, 17, 18, 19 và 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

c) Lâm sản ngoài gỗ, như: tre, nứa, vầu, lồ ô, giang, dùng, măng các loại, mây, hèo, quả, các loại lá, vỏ cây, nhựa, hạt, cây thuốc v.v... (trừ những động vật, thực vật nằm trong Danh mục thực vật rừng, động vật rừng quý, hiếm theo quy định của Chính phủ và Danh mục động vật, thực vật ghi trong phụ lục Công ước quốc tế CITES).

d) Sản phẩm nông nghiệp trồng xen, nuôi trồng thủy sản, vật nuôi.

đ) Dịch vụ du lịch.

e) Chi phí công trả bằng tiền (nếu có).

h) Được sử dụng một phần diện tích đất lâm nghiệp chưa có rừng được giao hoặc nhận khoán để sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp, nhưng không làm ảnh hưởng xấu tới cây rừng, phải tuân theo quy hoạch ngành, địa phương hoặc sự hướng dẫn của Bên giao khoán; hộ nhận khoán được phép sử dụng không quá 200 m² làm lán trại tạm để trông nom khu rừng trong thời gian nhận

khoán, nhưng phải được Bên giao khoán thỏa thuận bằng văn bản và phải đăng ký với Ủy ban nhân dân xã sở tại.

7. Quyền hưởng lợi, nghĩa vụ của hộ gia đình chỉ được thực hiện trong thời hạn được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp và được quyền thừa kế theo quy định của pháp luật.

II. QUY ĐỊNH CỤ THỂ QUYỀN HƯỞNG LỢI CỦA HỘ GIA ĐÌNH ĐƯỢC GIAO, NHẬN KHOÁN RỪNG VÀ ĐẤT LÂM NGHIỆP

1. Phân chia sản phẩm khai thác chính giữa hộ gia đình với bên giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp

1.1. Căn cứ phân chia sản phẩm khai thác chính hộ gia đình được hưởng.

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào tình hình thực tế của từng địa phương trong tỉnh, tình trạng rừng khi giao hoặc khoán cho hộ gia đình, quy định cụ thể mức tỷ lệ sản phẩm khai thác chính hộ gia đình được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp được hưởng trong khung tỷ lệ quy định tại các Điều 5, 6, 7, 8, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

Trường hợp hộ gia đình được giao, nhận khoán trồng, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng có nguồn thu sản phẩm hàng năm như: nhựa, quả, hạt, hoa thuộc quy hoạch rừng phòng hộ thì do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức hưởng lợi.

- Lâm sản để phân chia giữa hộ gia đình với bên giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp là khối lượng lâm sản thực tế khai thác và tập trung tại bãi giao (hoặc kho) lâm sản.

Bãi giao (hoặc kho) lâm sản là địa điểm tập trung lâm sản sau khi khai thác và vận xuất, nơi

các phương tiện vận chuyển có thể vào để vận chuyển lâm sản, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định địa điểm bãi giao.

1.2. Hình thức phân chia lâm sản

Phân chia lâm sản giữa hộ gia đình với bên giao, khoán rừng và đất lâm nghiệp được quy định trong quyết định giao hoặc hợp đồng khoán rừng và đất lâm nghiệp và áp dụng một trong 3 hình thức sau:

a) Đối với hộ gia đình được giao rừng và đất lâm nghiệp (Hình thức I)

Hộ gia đình được giao rừng và đất lâm nghiệp được quy định tại các khoản 5 Điều 5, khoản 5 Điều 6, khoản 4 Điều 7, khoản 2 Điều 8 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg, khi phân chia sản phẩm khai thác chính, hộ gia đình được nhận toàn bộ số lâm sản tại bãi giao và phải nộp vào ngân sách nhà nước khoản tiền tương ứng với số lâm sản được phân chia và các khoản thuế theo quy định hiện hành.

Khoản tiền phải nộp ngân sách xã khi phân chia sản phẩm (không gồm các khoản thuế		Khối lượng lâm sản khai thác tại bãi giao	Giá cây đứng	Tỷ lệ phải nộp ngân sách xã

- Khoản tiền phải nộp ngân sách xã khi phân chia sản phẩm: Là giá trị lâm sản phải nộp ngân sách xã, không bao gồm các khoản thuế phải nộp theo quy định hiện hành như: Thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế tài nguyên...

- Khối lượng lâm sản khai thác tại bãi giao: Là khối lượng lâm sản thực tế đã khai thác tại bãi giao (hoặc kho) lâm sản.

- Giá cây đứng: Là giá lâm sản đến tuổi thành thực công nghệ có thể khai thác sử dụng do Ủy

ban nhân dân cấp tỉnh quy định ở thời điểm khai thác lâm sản.

- Tỷ lệ phải nộp ngân sách xã: Là tỷ lệ phân chia phải nộp ngân sách xã do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định trong khung tỷ lệ theo Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

Ngoài khoản tiền phải nộp ngân sách xã khi phân chia sản phẩm, hộ gia đình còn phải nộp thuế theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

Ví dụ: Giả sử hộ gia đình được giao rừng tự nhiên là rừng sản xuất thuộc loại rừng phục hồi sau khai thác. Hộ gia đình khai thác và vận xuất gỗ ra bãi giao với khối lượng là 30 m³/ha. Giá cây đứng (nhóm V) là 650.000 đ/m³. Giá gỗ tại bãi giao 1.000.000 đ/m³, thuế tài nguyên 15%. Hộ gia đình được hưởng 80% giá trị sản phẩm khai thác, ngân sách xã hưởng 20% giá trị sản phẩm khai thác.

Hướng dẫn cách tính như sau:

(1)- Khoản tiền phải nộp ngân sách xã.

$$30 \text{ m}^3 \times 650.000 \text{ đ} \times 20\% = 3.900.000 \text{ đ/ha}$$

(2)- Thuế tài nguyên: $30 \text{ m}^3 \times 1.000.000 \text{ đ} \times 15\% = 4.500.000 \text{ đ/ha}$

(3)- Số tiền bán gỗ tại bãi giao: $30 \text{ m}^3 \times 1.000.000 \text{ đ} = 30.000.000 \text{ đ/ha}$

(4)- Khoản tiền hộ gia đình được hưởng:

$$30.000.000 \text{ đ} - 4.500.000 \text{ đ} - 3.900.000 \text{ đ} = 21.600.000 \text{ đ/ha}$$

b) Đối với hộ gia đình nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp

Hình thức II: Bên Giao khoán (hoặc hộ gia đình) nhận toàn bộ số lâm sản tại bãi giao và trả cho Hộ gia đình (hoặc bên Giao khoán) bằng tiền tương ứng với số lâm sản mà Hộ gia đình (hoặc bên Giao khoán) được hưởng. Bên nhận toàn bộ số lâm sản tại bãi giao phải chịu trách nhiệm nộp thuế theo quy định hiện hành.

Hình thức III: Bên Giao khoán và Hộ gia đình nhận sản phẩm được phân chia tại bãi giao theo tỷ lệ quy định. Các bên chịu trách nhiệm nộp thuế theo quy định hiện hành tương ứng với phần lâm sản mà mỗi bên được hưởng.

Ví dụ: Giả sử hộ gia đình nhận khoán bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ. Hộ gia đình khai thác và vận xuất gỗ ra bãi giao là $24\text{m}^3/\text{ha}$. Giá cây đứng (nhóm V) là $600.000\text{đ}/\text{m}^3$. Giá gỗ tại bãi giao là: $950.000\text{đ}/\text{m}^3$. Thuế tài nguyên 15%. Hộ gia đình được hưởng lợi 85% giá trị sản phẩm khai thác, bên giao khoán hưởng 15%. Hộ gia đình nhận toàn bộ số lâm sản tại bãi giao.

Hướng dẫn cách tính như sau:

(1)- Khoản tiền phải nộp cho bên giao khoán

$$24\text{m}^3 \times 600.000\text{đ} \times 15\% = 2.160.000 \text{ đ/ha}$$

(2)- Thuế tài nguyên: $24\text{m}^3 \times 950.000\text{đ} \times 15\% = 3.420.000 \text{ đ/ha}$

(3)- Số tiền bán gỗ tại bãi giao:

$$24\text{m}^3 \times 950.000\text{đ} = 22.800.000 \text{ đ/ha}$$

(4)- Khoản tiền hộ gia đình được hưởng:

$$22.800.000\text{đ} - 3.420.000\text{đ} - 2.160.000\text{đ} = 17.220.000 \text{ đ/ha}$$

2. Quản lý chi phí khai thác lâm sản

a) Hộ gia đình được giao nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp khi được phép khai thác chính được tự tổ chức khai thác lâm sản hoặc thuê khai thác theo các quy trình, quy phạm và quy chế khai thác gỗ, lâm sản hiện hành.

b) Hộ gia đình được giao rừng và đất lâm nghiệp phải chịu toàn bộ chi phí liên quan đến khai thác lâm sản, bao gồm cả chi phí khai thác liên quan đến phần lâm sản nộp ngân sách nhà nước.

c) Hộ gia đình nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp chịu chi phí khai thác liên quan đến phần lâm sản mà hộ gia đình được hưởng.

3. Quản lý và sử dụng sản phẩm được phân chia

a) Đối với hộ gia đình: Được phép sử dụng và tiêu thụ phần sản phẩm được phân chia, bao gồm: Phần sản phẩm được hưởng khi phân chia sản phẩm khai thác chính; phần sản phẩm của bên giao khoán mà hộ gia đình đã trả cho bên giao khoán bằng tiền tương ứng với số sản phẩm đó; phần sản phẩm thu hoạch được từ rừng: tủa thưa, cây phù trợ, cây trồng xen, sản phẩm nông - ngư nghiệp kết hợp.

b) Đối với doanh nghiệp nhà nước (Lâm trường quốc doanh, doanh nghiệp nhà nước có sử dụng đất lâm nghiệp).

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước nhận bằng sản phẩm khi phân chia sản phẩm thì tiền bán số sản phẩm đó là doanh thu của doanh nghiệp.

Trường hợp doanh nghiệp nhà nước nhận bằng tiền khi phân chia sản phẩm thì khoản thu đó là thu nhập hoạt động đầu tư tài chính và hạch toán vào thu nhập tài chính của doanh nghiệp.

Chi phí giao khoán rừng và đất lâm nghiệp và chi phí khác có liên quan đến tiêu thụ số sản phẩm được phân chia hạch toán vào chi phí kinh doanh và chi phí hoạt động đầu tư tài chính của doanh nghiệp.

Việc quản lý, sử dụng các khoản thu trên của doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo Thông tư số 63/1999/TT-BTC của Bộ Tài chính về quản lý doanh thu, giá thành và Thông tư liên tịch số 109/2000/TTLT-BNN-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2000 của liên Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quyết định số 187/1999/QĐ-TTg ngày 16 tháng 9 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý lâm trường quốc doanh.

c) Đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng

Thu nhập từ tiêu thụ phần sản phẩm được phân chia là khoản thu của Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng.

Chi phí khoán bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh rừng và trồng rừng, chi phí liên quan đến phần lâm sản được phân chia và các chi phí khác hạch toán vào chi sự nghiệp của Ban quản lý khu rừng phòng hộ, Ban quản lý khu rừng đặc dụng.

Việc quản lý, sử dụng các khoản thu trên đối với Ban quản lý rừng phòng hộ, Ban quản lý rừng đặc dụng được thực hiện theo Thông tư số 25/2002/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 10/2002/NĐ-CP ngày 16 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về chế độ tài chính áp dụng cho đơn vị sự nghiệp có thu.

d) Đối với giá trị lâm sản nộp ngân sách nhà nước

Giá trị lâm sản của hộ gia đình nộp ngân sách nhà nước khi phân chia lâm sản là nguồn thu của ngân sách xã để sử dụng vào các công việc sau:

- Hỗ trợ công tác bảo vệ và phát triển rừng.
- Trợ cấp cán bộ lâm nghiệp, cán bộ kiểm lâm công tác trên địa bàn xã.
- Hỗ trợ công tác khuyến lâm.

4. Cấp phát kinh phí trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng

Hộ gia đình được giao rừng đặc dụng, rừng phòng hộ để quản lý, bảo vệ, khoanh nuôi tái sinh; được giao, được thuê đất lâm nghiệp chưa có rừng thuộc quy hoạch rừng phòng hộ được quy định tại các Điều 4, 5, 6 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg, được ngân sách cấp kinh phí theo Thông tư số 43/2002/TT-BTC ngày 07 tháng 5 năm 2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý, cấp phát vốn ngân sách cho dự án Trồng mới 5 triệu ha rừng.

5. Quy định quyền hưởng lợi của hộ gia đình, cá nhân trong một số dự án như sau:

5.1. Hộ gia đình nhận vốn hỗ trợ của chương

trình PAM được hưởng lợi theo quy định tại Quyết định số 145/1998/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 1998 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách quản lý và sử dụng rừng trồng được hỗ trợ từ Chương trình lương thực thế giới (PAM).

5.2. Hộ gia đình nhận vốn hỗ trợ của Cộng hòa Liên bang Đức được hưởng lợi theo quy định tại Quyết định số 162/1999/QĐ-TTg ngày 07 tháng 8 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hưởng lợi đối với hộ gia đình, cá nhân tham gia trồng rừng bằng nguồn tài trợ của Cộng hòa Liên bang Đức.

5.3. Hộ gia đình nhận vốn hỗ trợ của dự án khu vực lâm nghiệp về quản lý rừng đầu nguồn được hưởng lợi theo quy định tại Quyết định số 141/2000/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư và tín dụng đối với hộ gia đình, cá nhân và các xã tham gia dự án khu vực lâm nghiệp và quản lý rừng đầu nguồn tại Thanh Hóa, Quảng Trị, Phú Yên và Gia Lai theo Hiệp định tín dụng số 1515-VIE (SF) và Quyết định số 28/2001/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2001 về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 141/2000/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư số 47/TT-BNN về hướng dẫn thực hiện Quyết định số 141/2000/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2000 và Quyết định số 28/2001/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2001 của Thủ tướng Chính phủ.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ vào tình hình cụ thể của từng địa phương trong tỉnh có văn bản hướng dẫn cụ thể về mức hưởng lợi đối với hộ gia đình được giao, được thuê, nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp đối với sản phẩm khai thác chính trong khung tỷ lệ được quy định tại Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg.

2. Hộ gia đình được Nhà nước giao, cho thuê,

nhận khoán rừng và đất lâm nghiệp thực hiện nghĩa vụ được quy định tại Điều 12 và Điều 22 Quyết định số 178/2001/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát việc tái tạo lại rừng của các hộ gia đình.

3. Cơ quan Địa chính chủ trì phối hợp với cơ quan Kiểm lâm và cơ quan Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng cấp chịu trách nhiệm thực hiện giao đất, cho thuê đất lâm nghiệp cho hộ gia đình.

Đối với hộ gia đình được Nhà nước giao đất lâm nghiệp có rừng tự nhiên, ngoài việc làm thủ tục đăng ký đất đai, lập hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo hướng dẫn tại Thông tư số 346/1998/TT-TCĐC ngày 16 tháng 3 năm 1998 của Tổng cục Địa chính (nay là Bộ Tài nguyên và Môi trường), giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp cần bổ sung ghi rõ trạng thái rừng khi giao theo quy định tại Quyết định số 682/QĐKT để làm cơ sở phân chia hưởng lợi từ rừng.

Thông tư liên tịch này có hiệu sau 15 ngày, kể từ ngày đăng trên Công báo.

Trong quá trình thực hiện có gì vướng mắc cần kịp thời có văn bản báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Tài chính để xem xét giải quyết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và
Phát triển nông thôn

Thủ trưởng

BÙI BÁ BỔNG

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thủ trưởng

TRẦN VĂN TÁ

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 81/2003/QĐ-BNN ngày 04/9/2003 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Vụ Kế hoạch.

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 86/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Điều 16 Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Vị trí và chức năng

Vụ Kế hoạch là cơ quan quản lý tổng hợp của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn về chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển trong phạm vi cả nước theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Vụ Kế hoạch được Bộ trưởng giao thực hiện nhiệm vụ quản lý tổng hợp về quy hoạch, kế hoạch, đầu tư phát triển, thống kê, xúc tiến thương mại và chương trình an ninh lương thực